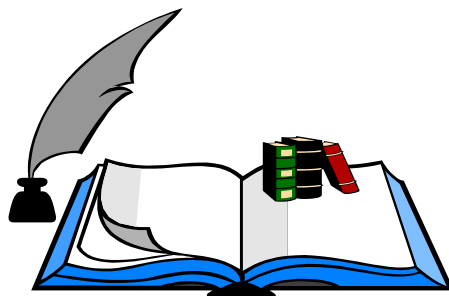


SỞ GD&ĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỀN



KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN
DÀNH CHO LỚP CÓ HỌC SINH KHUYẾT TẬT
Môn: CHUYÊN ĐỀ VẬT LÝ - LỚP 10/15



Giáo viên: Hồ Thị Thủy

Họ và tên học sinh: **VÕ VĂN THÀNH ĐẠT**

Ngày sinh: 15/11/2011

Địa chỉ nhà riêng: Thôn Mỹ Hảo- Xã Vu Gia- TP Đà Nẵng

Điện thoại: 0347587688

❖ **Thông tin khái quát về học sinh**

Tên học sinh: VÕ VĂN THÀNH ĐẠT

Ngày tháng năm sinh: 15/11/2011.

Giới tính: Nam

Dạng tật: Thần kinh, tâm thần.

Mức độ tật: Nặng

Các bệnh tật khác: Không



❖ **Thông tin cơ bản về gia đình**

- Họ và tên ba: Võ Văn Trường

Nghề nghiệp: Công nhân môi trường

Điện thoại: 0362829084

- Họ và tên mẹ: Trần Thị Cúc

Nghề nghiệp: Nông

Điện thoại: 0347587688

- Các thành viên khác trong gia đình:

Chị gái: Võ Thị Kim Hằng

Nghề nghiệp: Mới tốt nghiệp ĐH du lịch, chưa đi làm.

❖ **Những vấn đề cần lưu ý**

Học sinh có sức khỏe tâm thần yếu, chậm chạp trong cả hoạt động tư duy ngôn ngữ và thể chất; tâm lý rụt rè, tự ti nên cần được khích lệ thường xuyên. Em cũng dễ mất tập trung, hay phát bệnh đột xuất cần được bố trí ngồi bàn đầu để giáo viên dễ quan sát và hỗ trợ kịp thời. Bên cạnh đó gia đình phải phối hợp với GV và nhà trường rèn cho em kỹ năng tự phục vụ và duy trì thói quen học tập tại nhà.

❖ **Thông tin cụ thể về học sinh**

Những vấn đề gây khó khăn trong cuộc sống

- Nghèo: không.
- Bị xa lánh: không.
- Bị lạm dụng không.
- Mồ côi cha mẹ: không.
- Không được nuôi dưỡng tốt: được gia đình yêu thương, chăm sóc nhưng vẫn gặp khó khăn trong việc hòa nhập cộng đồng.

- Đi bệnh viện nhiều lần: Thường xuyên đi bệnh viện thăm khám định kì và điều trị duy trì hàng ngày.

Học sinh có bệnh hay tật gì khác không?

- Khuyết tật vận động: Có kèm theo chậm chạp trong vận động.
- Khiếm thị: Không.
- Khiếm thính: Không.
- Động kinh: Có.

Nguyên nhân:

Học sinh Võ Văn Thành Đạt phát bệnh thần kinh, tâm thần từ nhỏ với tình trạng sức khỏe tâm thần yếu, khả năng nhận thức, ghi nhớ và xử lí thông tin còn hạn chế so với bạn bè cùng trang lứa; ảnh hưởng đến quá trình phát triển thể chất nên thể lực yếu, vận động chậm chạp gây khó khăn rất lớn đến học tập và sinh hoạt hằng ngày.

✧ **Tiền sử giáo dục**

Trước đây, học sinh đã đến học ở những cơ sở giáo dục nào?

- Nhà trẻ: Có.
- Mẫu giáo: từ năm 2015 đến năm 2017 tại trường Mầm non Đại Phong- Nay là trường mầm non Vu Gia, xã Vu Gia- TP Đà Nẵng.
- Tiểu học: từ năm 2017 đến- 2022 tại Tiểu học Trần Đình Tri- Nay là trường Tiểu học và THCS Đại Phong, xã Vu Gia- TP Đà Nẵng.
- THCS: từ năm 2022 đến năm 2026 tại trường THCS Võ Thị Sáu- Nay là trường Tiểu học và THCS Đại Phong, xã Vu Gia- TP Đà Nẵng.

Học sinh đang tham gia học ở những lớp nào?

- Lớp chuyên biệt: Không học lớp chuyên biệt.
- Giáo dục hoà nhập: **Học sinh đang tham gia học Giáo dục hoà nhập lớp 10/15** – Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển, xã Phú Thuận-TP Đà Nẵng.

✧ **Đặc điểm của học sinh hiện nay:**

Nhu cầu	Đặc điểm khó khăn	Khả năng của học sinh
1. Thể chất - Sự phát triển của cơ thể - Khả năng vận động khó khăn. - Lao động tự phục vụ.	- Thể trạng yếu, sức bền kém. - Vận động chậm chạp, đôi khi bị ngất khi hoạt động mạnh. - Tự phục vụ các nhu cầu cá nhân nhưng cần được nhắc nhở.	- Có thể tự đi lại, tự ăn uống và sinh hoạt cá nhân bình thường. - Thực hiện được các vận động nhẹ. - Thân thiện, ngoan ngoãn, dễ gần khi được khuyến khích.
2. Giao tiếp - Khả năng nghe,	- Khả năng nghe, hiểu rất chậm.	- Hiểu và trả lời được các nội dung về bản thân cũng như môn

hiểu. - Ngôn ngữ nói: phát âm, vốn từ... - Khả năng đọc viết. - Khả năng giao tiếp. 3. Nhận thức - Tri giác nghe- nhìn. - Trí nhớ. - Tư duy. 4. Xã hội - Khả năng hội nhập - Cảm xúc - Tình cảm - Khả năng thích ứng với môi trường	- Vốn từ hạn chế; nói năng, diễn đạt chưa được lưu loát. - Đọc, viết được nhưng chậm. - Rụt rè, khép mình, ít chủ động kết bạn. - Nghe, nhìn: Nghe bình thường, mắt yếu. - Ghi nhớ kém, thiếu tập trung. - Khả năng tư duy, giải quyết vấn đề khá chậm. - Khó khăn trong việc hòa nhập với tập thể. - Dễ bị tổn thương, khó kiểm soát cảm xúc. - Tự ti, thu mình, phản ứng chậm trong một số ngữ cảnh giao tiếp, khó khăn trong việc thích ứng với môi trường học tập.	học khi được đặt câu hỏi đơn giản, chậm rãi và cho đủ thời gian để em suy nghĩ. - Biết tham gia hoạt động nhóm nhỏ nếu có sự hướng dẫn. - Có khả năng duy trì thói quen trong môi trường quen thuộc.
--	--	--

✧ **Năm học 2026 – 2027:**

Những khả năng (điểm mạnh) của học sinh:

- Hiền lành, ngoan ngoãn, lễ phép.
- Thân thiện, dễ gần, tham gia thảo luận nhóm nhỏ khi được hướng dẫn.
- Chăm chú nghe giảng, chép bài cẩn thận, có thể trả lời những câu hỏi đơn giản.
- Tự phục vụ cơ bản: ăn uống, chuẩn bị đồ dùng học tập khi được nhắc.
- Có ý thức học tập khi được động viên, nhắc nhở.

Những nhu cầu của học sinh:

- Giảm tải nội dung, tập trung nhận biết – thông hiểu.
- Môi trường học tập thân thiện, có nhiều cơ hội giao tiếp; cần được quan tâm, chú ý tạo điều kiện cho em được vận động nhẹ nhàng.
- Gia đình phối hợp rèn kỹ năng tự phục vụ và củng cố thói quen học tập tại nhà.

I. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2026 - 2027

1. Kiến thức:

- Nhận biết bước đầu về một số ngành nghề có ứng dụng kiến thức Vật lí (thợ điện, cơ khí, y tế, viễn thông).
- Nhận biết các hiện tượng thiên văn đơn giản trong Chuyên đề Trái Đất và Bầu trời (ngày/đêm, Mặt Trời, Mặt Trăng, hiện tượng nhật thực/nguyệt thực qua mô hình).
- Nhận biết vai trò của năng lượng tái tạo (mặt trời, gió, nước) và các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm ô nhiễm.

2. Kỹ năng:

- Ghép nối được hình ảnh ngành nghề với dụng cụ làm việc tương ứng.
- Quan sát mô hình Trái Đất - Mặt Trời - Mặt Trăng và nêu tên các vật thể.
- Phân loại được hành vi tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường qua phiếu bài tập trực quan.

3. Giao tiếp - thái độ:

- Hứng thú tìm hiểu các hiện tượng tự nhiên và ngành nghề trong xã hội.
- Có ý thức giữ gìn môi trường sống xanh - sạch - đẹp.

II. MỤC TIÊU GIÁO DỤC HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026 - 2027

1. Yêu cầu cần đạt môn học

- Nhận biết các thời kì phát triển của vật lí học, kể tên vài thành tựu.
- Nhận biết tên và công việc chính của 2-3 ngành nghề kỹ thuật ứng dụng Vật lí.
- Nhận biết bốn hướng địa lí; hiểu đơn giản Mặt Trời mọc gần hướng Đông và lặn gần hướng Tây.
- Quan sát mô hình Hệ Mặt Trời, nhận biết Trái Đất, Mặt Trời và Mặt Trăng.
- Hiểu được vì sao có ngày và đêm một cách đơn giản nhất, hiện tượng nhật thực, nguyệt thực.

2. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức chuyên đề: Nhận biết ngành nghề và các vật thể trong vũ trụ qua hình ảnh.
- Năng lực giao tiếp: Kể tên nghề nghiệp yêu thích hoặc mô tả hiện tượng ngày/đêm.

3. Kỹ năng sống:

- Tự định hướng sở thích cá nhân đối với các công việc kỹ thuật đơn giản.
- Quan sát và thích nghi với sự thay đổi thời tiết, ngày đêm.

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC HỌC SINH HỌC KÌ I

(Từ ngày 05/09/2026 đến ngày 31/12/2026)

Chuyên đề/ Bài học	Mục tiêu (Năng lực phẩm chất)	Biện pháp thực hiện	Người thực hiện	Kết quả mong đợi
-------------------------------	---	----------------------------	----------------------------	-----------------------------

Chuyên đề/ Bài học	Mục tiêu (Năng lực phẩm chất)	Biện pháp thực hiện	Người thực hiện	Kết quả mong đợi
Bài 1: Sơ lược về sự phát triển của Vật lí học	Nhận biết Vật lí học phát triển qua nhiều thời kì; một số hình ảnh nhà khoa học, dụng cụ hoặc thành tựu tiêu biểu ở mức rất đơn giản.	Không yêu cầu ghi nhớ mốc thời gian phức tạp; dùng tranh ảnh về kính thiên văn, bóng đèn, máy phát điện, tàu vũ trụ; sử dụng thẻ từ “quan sát”, “thí nghiệm”, “ứng dụng”; hướng dẫn ghép hình với từ khóa.	GV Vật lí, HS hỗ trợ.	HS nhận ra Vật lí phát triển nhờ quan sát, thí nghiệm và ứng dụng; hoàn thành phiếu ghép hình-từ khóa với hỗ trợ.
Bài 2: Giới thiệu các lĩnh vực nghiên cứu trong Vật lí học	Nhận biết một số lĩnh vực đơn giản của Vật lí như cơ học, nhiệt học, điện học, quang học, âm học; hiểu mỗi lĩnh vực nghiên cứu một nhóm hiện tượng gần gũi.	Sử dụng hình ảnh quả bóng chuyển động, nước sôi, bóng đèn sáng, cầu vồng, tiếng trống; chia nhiệm vụ thành từng cặp hình-tên lĩnh vực; hỏi trắc nghiệm 2-3 lựa chọn; không yêu cầu giải thích thuật ngữ dài.	GV Vật lí, HS hỗ trợ.	HS gọi tên hoặc chọn đúng một số lĩnh vực vật lí khi nhìn tranh; đạt mức nhận biết trong 3-4 nội dung cơ bản.
Bài 3: Giới thiệu các ứng dụng của Vật lí trong một số ngành nghề	Nhận biết một số ứng dụng của Vật lí trong y tế, giao thông, xây dựng, thông tin liên lạc, nông nghiệp; hiểu ứng dụng vật lí giúp con người làm việc hiệu quả hơn.	Cho quan sát video ngắn về máy siêu âm, đèn giao thông, cầu đường, điện thoại, hệ thống tưới; sử dụng phiếu trắc nghiệm chọn ngành nghề phù hợp với hình ảnh; cho học sinh tham gia nhóm nhỏ với nhiệm vụ chọn tranh.	GV Vật lí, HS hỗ trợ.	HS chọn được ứng dụng phù hợp với ngành nghề qua tranh ảnh; thể hiện thái độ chú ý, hợp tác trong nhóm nhỏ.
Bài 4: Xác định phương hướng	- Nhận biết bốn hướng chính: Đông, Tây, Nam, Bắc; - Hiểu đơn giản Mặt Trời mọc gần	Dùng sơ đồ la bàn lớn, tranh Mặt Trời mọc/lặn; cho học sinh chỉ hướng trên hình; thực hành chọn thẻ “Đông”, “Tây”,	GV Vật lí, HS hỗ trợ.	HS nhận biết được ít nhất 2- 4 hướng chính; biết chọn hướng

Chuyên đề/ Bài học	Mục tiêu (Năng lực phẩm chất)	Biện pháp thực hiện	Người thực hiện	Kết quả mong đợi
	hướng Đông và lặn gần hướng Tây.	“Nam”, “Bắc”; chia nhỏ nhiệm vụ: nhận diện ký hiệu, chọn hướng, ghép thẻ.		Đông khi nhìn hình Mặt Trời mọc và hướng Tây khi nhìn hình Mặt Trời lặn.
Bài 5: Đặc điểm chuyển động nhìn thấy của một số thiên thể trên nền trời sao	Nhận biết Mặt Trời, Mặt Trăng, sao là các thiên thể quan sát được trên bầu trời; hiểu đơn giản rằng vị trí nhìn thấy của chúng thay đổi theo thời gian.	Sử dụng chuỗi tranh Mặt Trời buổi sáng-trưa-chiều, hình Mặt Trăng ở các vị trí khác nhau; dùng video time-lapse ngắn; không yêu cầu giải thích chuyển động thiên văn phức tạp; đặt câu hỏi đúng-sai và chọn hình theo trình tự.	GV Vật lí, HS hỗ trợ.	HS sắp xếp được tranh đơn giản theo thứ tự sáng- trưa-chiều; nhận biết được Mặt Trời, Mặt Trăng, sao qua hình ảnh.
Bài 6: Nhật thực, nguyệt thực, thủy triều	Nhận biết Trái đất và Mặt trăng trong không gian vũ trụ.	Dùng video mô phỏng ngắn, hình minh họa.	GV Vật lí, HS hỗ trợ.	HS nhận diện được trái đất và mặt trăng.

✧ **Nhận xét chung về sự tiến bộ của học sinh trong học kì I năm học 2026 - 2027**

1. Những tiến bộ của học sinh

.....

.....

.....

.....

.....

2. Những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung và phương hướng thực hiện

.....

.....

.....

.....

Phú Thuận, ngày tháng ... năm 2026

CHA MẸ HỌC SINH

GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH

.....

Hồ Thị Thủy

**XÁC NHẬN CỦA BGH
P.HIỆU TRƯỞNG**

**TỔ CHUYÊN MÔN
TTCM**

Trần Minh Giang

Đặng Minh Thành

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC HỌC KỲ II NĂM HỌC 2026 - 2027

1. Yêu cầu cần đạt môn học:

- Nhận biết hiện tượng nhật thực, nguyệt thực và thủy triều.
- Nhận biết một số nguồn năng lượng, chất gây ô nhiễm và năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng nước).
- Nhận biết các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường (khói bụi, rác thải, tiếng ồn).
- Hiểu đơn giản việc sử dụng năng lượng hợp lý giúp bảo vệ môi trường.
- Thực hiện được các hành động nhỏ để bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên.

2. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức: Phân biệt năng lượng tái tạo và nguồn ô nhiễm.
- Năng lực hành động: Phân loại rác, tắt thiết bị điện, giữ gìn vệ sinh không gian sống.

3. Kỹ năng sống:

- Xây dựng lối sống xanh, tiết kiệm và có trách nhiệm với môi trường tự nhiên.

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC HỌC SINH HỌC KÌ II

(Từ ngày 01/01/2027 đến ngày 20/05/2027)

Chuyên đề/ Bài học	Mục tiêu (Năng lực, phẩm chất)	Biện pháp thực hiện	Người thực hiện	Kết quả mong đợi
Bài 6: Nhật thực, nguyệt thực, thủy triều (tt)	Nhận biết nhật thực là hiện tượng Mặt Trời bị che khuất một phần hoặc toàn phần; nguyệt thực là hiện tượng Mặt Trăng bị che khuất; thủy triều là hiện tượng nước biển lên xuống.	Dùng video mô phỏng ngắn, hình minh họa 3 bước; dùng đèn pin và bóng để mô tả đơn giản hiện tượng che khuất; dùng tranh bờ biển lúc nước lên/nước xuống; kiểm tra bằng câu hỏi trắc nghiệm chọn hình đúng.	GV Vật lí, HS hỗ trợ.	HS phân biệt được hình nhật thực và nguyệt thực ở mức nhận biết; nhận ra thủy triều qua hình ảnh nước biển lên, xuống.
Bài 7: Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường	Nhận biết môi trường sạch và môi trường ô nhiễm qua hình ảnh; hiểu đơn giản môi trường sạch tốt cho	Dùng tranh so sánh sông sạch-sông bẩn, không khí trong lành-khói bụi, lớp học sạch-lớp học có rác; sử dụng câu hỏi “hình nào sạch?”, “hình nào bẩn?”;	GV Vật lí, HS hỗ trợ.	HS phân biệt được hình ảnh môi trường sạch và ô nhiễm; chọn được 2-3 hành

Chuyên đề/ Bài học	Mục tiêu (NĂng lực, phẩm chất)	Biện pháp thực hiện	Người thực hiện	Kết quả mong đợi
	sức khỏe con người và sinh vật.	yêu cầu chọn hành vi đúng như bỏ rác đúng nơi, tiết kiệm nước, trồng cây		vi bảo vệ môi trường
Bài 8: Tác động của việc sử dụng năng lượng hiện nay đối với Việt Nam	Nhận biết một số dạng năng lượng thường dùng như điện, xăng dầu, than, gas; hiểu đơn giản sử dụng nhiều năng lượng có thể gây ô nhiễm và cần tiết kiệm.	Dùng hình ảnh nhà máy điện, xe máy, bếp gas, bóng đèn; hướng dẫn phân loại “sử dụng năng lượng” và “tiết kiệm năng lượng”; nêu ví dụ gần gũi như tắt đèn khi không dùng, đi bộ trong khoảng cách ngắn, dùng thiết bị tiết kiệm điện; kiểm tra bằng trắc nghiệm hình ảnh.	GV Vật lí, HS hỗ trợ, PHHS phối hợp nhắc nhở thói quen.	HS nhận biết được một số nguồn năng lượng quen thuộc; chọn đúng hành vi tiết kiệm năng lượng ở mức đơn giản.
Bài 9: Sơ lược về các chất gây ô nhiễm môi trường	Nhận biết một số tác nhân gây ô nhiễm như khói bụi, rác thải, nước thải, khí thải, tiếng ồn; hiểu đơn giản các tác nhân này ảnh hưởng xấu đến môi trường và sức khỏe.	Sử dụng tranh ảnh khói xe, rác nhựa, nước thải, loa ồn; không yêu cầu ghi nhớ công thức hóa học hoặc phân loại phức tạp; cho học sinh nối hình với từ khóa; dùng câu hỏi chọn hình gây ô nhiễm.	GV Vật lí, HS hỗ trợ.	HS nhận diện được 3-5 hình ảnh liên quan đến ô nhiễm; biết chọn hình hành vi không gây ô nhiễm trong nhóm tranh.
Bài 10: Năng lượng tái tạo và một số công nghệ thu năng lượng tái tạo.	Nhận biết năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng nước là năng lượng tái tạo; nhận biết một số thiết bị như pin mặt trời, tua-bin gió, nhà máy thủy	Dùng video ngắn về pin mặt trời, cánh quạt gió, đập thủy điện; sử dụng tranh ghép: Mặt Trời-pin mặt trời, gió-tua-bin gió, nước-thủy điện; tổ chức nhiệm vụ nhóm nhỏ chọn cặp tranh đúng; không yêu cầu giải thích nguyên lý phức	GV Vật lí, HS hỗ trợ.	HS nhận biết được ít nhất 2 dạng năng lượng tái tạo; ghép đúng hình nguồn năng lượng với thiết bị thu năng lượng

Chuyên đề/ Bài học	Mục tiêu (Năng lực, phẩm chất)	Biện pháp thực hiện	Người thực hiện	Kết quả mong đợi
	điện ở mức hình ảnh.	tập.		tương ứng.

✧ Nhận xét chung về sự tiến bộ của học sinh trong học kì II năm học 2026 - 2027

1. Những tiến bộ của học sinh

.....
.....
.....
.....

2. Những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung và phương hướng thực hiện

.....
.....
.....
.....

CHA MẸ HỌC SINH

Phú Thuận, ngày tháng ... năm 2026

GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH

.....

Hồ Thị Thủy

XÁC NHẬN CỦA BGH
P.HIỆU TRƯỞNG

TỔ CHUYÊN MÔN
TTCM

Trần Minh Giang

Đặng Minh Thành